

Bản án số: 05/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 06 - 2 - 2018

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH GIA, TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Ngô Xuân Dũng

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Quang Học

2. Ông Nguyễn Văn Tòng

- *Thư ký phiên toà:* Ông Trịnh Huy Thuận - Thư ký Toà án nhân dân huyện
Tỉnh Gia, tỉnh Thanh Hoá.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tỉnh Gia, tỉnh Thanh Hoá tham
gia phiên toà:* Bà Hà Thị Hương – Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 2 năm 2018, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện
Tỉnh Gia xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 290/2017/TLST-HNGĐ ngày 08
tháng 12 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra
xét xử số 31/2017/QĐXX-ST ngày 28 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị C - Sinh năm: 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện G, tỉnh Thanh Hóa

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đình T - Sinh năm: 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện G, tỉnh Thanh Hóa

Hiện đang chấp hành án tại phân trại số N

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/12/2017 và bản tự khai nguyên đơn là chị
Nguyễn Thị C trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Đình T kết hôn ngày
02/3/2011, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện G. Sau
khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh
mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc
sống. Trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm. Ngày 06/5/2013

anh T bị bắt và bị kết án 14 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy. Hiện tại anh T đang chấp hành án tại phân trại số N, trại giam số 3 -*Tổng cục VIII-Bộ công an*. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 5 năm 2013 đến nay. Nay chị C xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên có nguyện vọng xin ly hôn anh Nguyễn Đình T.

- Về con chung: Chị T Trình bày vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị K, sinh ngày 20/01/2011, chị C có nguyện vọng xin được nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản: Chị C không yêu cầu giải quyết về tài sản

Tại bản tự khai ngày 15/12/2017 và biên bản hòa giải bị đơn anh Nguyễn Đình T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Đình T và chị Nguyễn Thị C tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 02/3/2011 tại UBND xã L, huyện G. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc và không có mâu thuẫn gì. Ngày 06/5/2013 anh T bị bắt và bị kết án 14 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy. Hiện tại anh T đang chấp hành án tại phân trại số N, trại giam số 3 -*Tổng cục VIII-Bộ công an*. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 5 năm 2013 đến nay. Trong thời gian sống ly thân chị C vẫn quan tâm và lên thăm. Anh T xét thấy tình cảm vợ chồng đang còn nên không muốn ly hôn.

- Về con chung: Anh T Trình bày vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị K, sinh ngày 20/01/2011, anh T có nguyện vọng xin được nuôi con chung nhưng do đang chấp hành án không thể nuôi dưỡng được nên anh T nhường quyền nuôi con cho chị C.

- Về tài sản: Anh T không yêu cầu giải quyết về tài sản

Ý kiến cháu Nguyễn Thị K: Nếu tòa án cho bố mẹ ly hôn cháu xin ở với mẹ.

Tại phiên toà hôm nay: Nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không có lý do.

Ý Kiến KSV: Về trình tự, thủ tục tố tụng: Thẩm phán, hội thẩm nhân dân và thư ký đã tuân theo đúng trình tự của bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng điều khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 Luật HNGĐ năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị C xin ly hôn anh T.

Về con chung: đề nghị giao cháu K cho chị C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: chị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Đình T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, Chị Nguyễn Thị C có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Đình T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, ngày 03/2/2011 được UBND xã L, huyện G cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Vì vậy hôn nhân giữa chị C và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, theo chị C là vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và do anh T phạm tội mua bán trái phép chất ma túy bị kết án 14 năm tù. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn không có hạnh phúc, vì vậy chị C xin được ly hôn với anh T. Anh T trình bày vợ chồng đang còn tình cảm và xin quay về đoàn tụ. Hội đồng xét xử thấy rằng xây dựng gia đình hạnh phúc phải dựa trên tình cảm yêu thương nhau nhưng tình cảm của chị C đối với anh T không còn, anh T đang phải chấp hành án 14 năm tù vì vậy không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần cho chị C được ly hôn anh T là có căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị C và anh T có 01 con chung là Nguyễn Thị K, sinh ngày 20/01/2011. chị C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Anh T đang phải chấp hành hình phạt tù. Cháu K có nguyện vọng ở với mẹ. HĐXX thấy để đảm bảo cho cháu K được nuôi dưỡng tốt, để cháu phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần vì vậy cần giao cho chị C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung phù hợp. Chị C không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, Điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tiểu mục 1.1 Mục 1 phần II danh mục án phí, lệ phí tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016)

- Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn anh Nguyễn Đình T.
- Về con chung: Giao cho chị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Thị K, sinh ngày 20/01/2011. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Chị C không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.
- Về tài sản: Chị C và anh T không yêu cầu giải quyết.
- Về án phí: Chị C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002406 ngày 08/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tĩnh Gia. Chị C đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.
- Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản sao bản án được niêm yết tại trụ sở chính quyền địa phương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân

- TAND Tỉnh;
- VKSND huyện Tĩnh Gia;
- Thi hành án dân sự TG ;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Xuân Dũng